TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.
2. Ông Lê Minh Nhân.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thanh Hoá; Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2019/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Hoa T1, sinh năm 1991; Tại: TN, TX, Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn VL, xã TN, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Hoa T và bà Lê Thị Ng; Vợ: Nguyễn Thị L; Con: 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 20/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2019 đến ngày 29/6/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn T, sinh năm 1993; Tại: TT, TH, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Toán T, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C và bà Lê Thị T; Vợ: Vi Thị O; Con: 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 08/6/2016 bị Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma T1y" ngày 12/02/2018 chấp hành xong bản án; Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2019 đến ngày 29/6/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Đức Q, sinh năm 1995; Tại: XT, TX, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 8(Nay là thôn 5), xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức D và bà Đào Thị N; Vợ: Chưa; Con: Chưa; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2019 đến ngày 29/6/2019 thay bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cu trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại

1. Dòng họ Hoàng Tiến chi 5, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Bà Lê Thị Hà, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn ĐB, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Dòng họ Lê Hữu, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Lê Hữu Miên, sinh năm 1937; Trú tại: Thôn ĐB, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Dòng họ Nguyễn Đình, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Khiết, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn ĐB, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Thôn Toán Thọ, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Trịnh Tiến Ba, sinh năm 1957 – Trưởng Thôn; Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hoàng Đình Diện, sinh năm 1959 – Trưởng Thôn; Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Dòng họ Lê Đình, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Lê Đình Hưng, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Dòng họ Lê Xuân, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Lê Xuân Phúc, sinh năm 1956; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Dòng họ Nguyễn Tuấn, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Nguyễn Tuấn Minh, sinh năm 1944; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Dòng họ Hoàng Tiến, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hoàng Tiến Mọc, sinh năm 1944; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Dòng họ Hoàng Trọng, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Bà Hoàng Thị Khánh, sinh năm 1944; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Ông Hoàng Khắc Cả, sinh năm 1963; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Dòng họ Hoàng Bá, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hoàng Bá Dũng, sinh năm 1952; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Dòng họ Hoàng Đình, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hoàng Đình Nguyên, sinh năm 1933; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

14. Dòng họ Hoàng Hữu, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hoàng Anh Phiên, sinh năm 1948; Trú tại: Thôn

ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

15. Dòng họ Trần Đình, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Bà Trần Thị Vân, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

16. Dòng họ Hà Văn, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hà Văn Liệu, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

17. Dòng họ Vũ Văn, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Vũ Văn Hoàng, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

18. Dòng họ Hoàng Văn, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hoàng Văn Huân, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn ĐC, xã TM, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Hỡi, sinh năm 1965;

Trú tại: Thôn TT, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chị Lê Thị Hòa, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn Đồng Tiến, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Lê Công Thuận, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn CT, xã TN, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Văn Trụ, sinh năm 1970;

Trú tại: Thôn ĐT, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Anh Tống Xuân Chung, sinh năm 1972;

Trú tại: Thôn Toán T, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 5 đến đầu tháng 6 năm 2019, trong khi đi làm công nhân tại Công ty DG WIN Việt Nam, tại xã TN, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn T sinh năm 1993 ở xã TT, huyện TH, Hoàng Hoa T1 sinh năm 1991 ở xã TN, huyện TX và Lê Đức Q sinh năm 1995 ở xã XT, huyện TX đã rủ nhau đi trộm cắp tài sản là các cánh cửa sắt tại các Nghĩa Trang ở xã TM và xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần.

Vụ thứ nhất: Vào buổi chiều ngày cuối tháng 5 năm 2019 ở Công ty DG WIN Việt Nam. Hoàng Hoa T1, Lê Văn T, Lê Đức Q có bàn bạc rủ nhau đi trộm cắp sau khi hết giờ làm việc, T nói đi xuống Nghĩa Trang thôn ĐB, xã TM, huyện TH tỉnh Thanh Hóa lấy các cánh cửa sắt, nhưng sau đó do T tăng ca không đi được nên có nói lại với T1 là "Cứ đi lấy trộm đi, trộm được thì tôi dẫn

đi bán". Khoảng 17 giờ 30 cùng ngày Hoàng Hoa T1 và Lê Đức Q đi Trộm cắp tài sản, sau đó T1 điều khiển mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xám trắng, không nhớ BKS của T1 chở Q và mang theo 01 xà cày dài 88cm đi xuống Nghĩa Trang thôn ĐB, xã TM. Đến đoạn đê trước khu Nghĩa Trang, T1 bảo Q ở trên đê cảnh giới, còn T1 đi xuống và dùng xà cày cạy phá lấy trộm cắp 06 cánh cửa sắt của các dòng họ, gồm: 02 cánh cửa sắt màu đỏ của dòng họ Hoàng Tiến, 02 cánh cửa màu đỏ của dòng họ Nguyễn Đình, 02 cánh cửa màu xanh dòng họ Lê Hữu, sau đó T1 gọi Q xuống khênh các cánh cửa lên xe máy rồi cả hai chở đi về hướng xã TT. Khi T1 và Q chở cửa sắt đã trộm cắp được về đến Ngã tư xã TT thì T1 gọi điện cho T nói "Xong rồi về đi", khoảng 10 phút sau, T một mình đi mô tô BKS: 36B6-736.94 đến, T dẫn T1 và Q chở 06 cánh cửa sắt đến bán cho chị Nguyễn Thị Hỡi sinh năm 1965 ở xã TT được 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này T, T1, Q đã cùng nhau ăn uống, sử dụng chung vào mục đích cá nhân.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/5/2019 sau khi hết giờ làm việc ở Công ty DG WIN Việt Nam, T, T1 và Q đã gặp nhau và bàn bạc cùng nhau xuống khu vực Nghĩa Trang thôn Toán Thọ, xã TT để trộm cắp cánh cửa sắt. Khi đi, T điều khiển mô tô BKS: 36B6-736.94 đi một mình, T1 chở Q bằng mô tô YAMAHA SIRIUS của T1 và mang theo 01 xà cày đã sử dụng trước đó. Đến Nghĩa Trang, Q, T ở trên đê cảnh giới, còn T1 một mình đi xuống dùng xà cày cạy phá cánh cửa chính đi vào khu Nghĩa Trang. Sau khi cạy phá trộm cắp được cánh cửa, T1 gọi T xuống cùng khênh cánh cửa lên, sau đó cả ba mang cánh cửa trộm được đến bán cho anh Lê Công Thuận sinh năm 1985 ở thôn Căn Trung, xã TN, huyện TX, với tổng trọng lượng 40kg sắt, bán được 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau đó cả T, T1, Q đã cùng nhau ăn uống, sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 11 giờ ngày 10/6/2019 khi T1 và T đi qua khu Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM thì T1 phát hiện ở Nghĩa Trang có nhiều cánh cửa sắt nên nảy sinh ý định trộm cắp, sau đó cả hai quay về nhà T1 lấy xà cày rồi T điều khiển mô tô BKS: 36B6-736.94 chở T1 quay lại khu nghĩa trang. Đến nơi, T ở trên đê cảnh giới, còn T1 một mình đi xuống, dùng xà cày cạy phá trộm cắp được 07 (bảy) cửa sắt ở khu vực lăng mộ, gồm: 01 cặp cửa hai cánh màu xanh da trời của dòng họ Hoàng Hữu, 01 cánh cửa màu đỏ thâm của dòng họ Trần Đình, 01 cánh cửa màu nâu đỏ của dòng họ Hà Văn, 01 cặp cửa hai cánh màu đỏ mận của dòng họ Vũ Văn, 01 cánh cửa màu nâu đỏ của dòng họ Hoàng Văn. Sau đó T1 và T chở toàn bộ số cửa sắt đã trộm cắp được đến nhà Lê Thị Hòa sinh năm 1974 ở thôn Đồng Tiến, xã TT, bán cho Lê Thị Hòa, với tổng trọng lượng 62,5kg sắt và được 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Số tiền này T và T1 đã cùng nhau ăn uống sử dụng vào mục đích cá nhân.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 18 giờ ngày 14/6/2019, sau khi hết giờ làm việc ở ty DG WIN Việt Nam, Hoàng Hoa T1, Lê Văn T và Lê Đức Q bàn nhau đi xuống khu Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM, huyện TH để trộm cắp các cánh cửa sắt bán lấy tiền tiêu sài, nhưng do ba người chỉ có một xe mô tô của T nên T1 và T bảo Q đứng ở gần Công ty đợi, khi nào trộm xong bán được tiền sẽ quay

lại đón Q. Thống nhất xong, T chở T1 bằng mô tô BKS: 36B6-736.94 và mang theo một xà cày đã sử dụng trước đó. Khi đến khu vực Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM thì T ở trên đê cảnh giới, còn T1 một mình đi vào khu Nghĩa Trang, dùng xà cày cạy phá và trộm cắp được 06 cánh cửa sắt, gồm: 01 cánh cửa màu xám của dòng họ Hoàng Trọng, 01 cánh cửa màu xám của phần mộ Lê Thị Điền, 01 cặp cửa hai cánh màu xám của dòng họ Hoàng Bá, 01 cặp cửa hai cánh màu đỏ của dòng họ Hoàng Văn, sau đó T1 và T đã chở toàn bộ số cửa sắt đã trộm cắp được đến nhà và bán cho Lê Thị Hòa sinh năm 1974 ở thôn Đồng Tiến, xã TT, với tổng trọng lượng 47kg sắt và được 280.000đ (Hai trăm tám mươi nghìn đồng) rồi cả hai quay lại đón Lê Đức Q nhưng không thấy Q đâu, nên T1 và T đã cùng nhau đi ăn uống và sử dụng hết số tiền nêu trên. Về phần quan trong khi chờ đợi lo sợ bố mẹ mắng về muộn nên tự ý bỏ về không tham gia cùng, đến sáng ngày hôm sau khi đi làm Q có hỏi T1 và T có trộm được gì không thì cả T1 và T đều nói không trộm được gì.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 17 giờ ngày 17/06/2019 sau khi hết giờ làm việc ở Công ty, Hoàng Hoa T1 và Lê Văn T bàn nhau tiếp tục đi xuống khu Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM, huyện TH, để trộm cắp cánh cửa sắt đem về bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó Lê Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 36B6-736.94 chở Hoàng Hoa T1 về nhà T1 để lấy chiếc xà cày mà T1 đã sử dụng ở những lần trộm trước đó rồi đi xuống Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM. Khi đến Nghĩa Trang, T1 bảo T đứng ở trên đê cảnh giới, còn T1 cầm xà cày đi xuống các khu lăng mộ cạy phá và trộm cắp được 08 cánh cửa sắt, gồm: 01 cặp cửa hai cánh màu nâu đỏ của Cổng Nghĩa Trang thôn ĐC, 01 cánh cửa màu xám của dòng họ Lê Đình, 01 cánh cửa màu đỏ của phần mộ Lê Thị Mão, 01 cặp cửa hai cánh màu nâu đỏ của dòng họ Nguyễn Tiến và 01 cặp cửa hai cánh màu đỏ của dòng họ Hoàng Tiến, sau đó T1 và T chở toàn bộ số cửa sắt đã trộm cắp được đến nhà Lê Thị Hòa sinh năm 1974 ở thôn Đồng Tiến, xã TT và bán cho Nguyễn Văn Trụ sinh năm 1970 là chồng của Lê Thị Hòa, với tổng trọng lượng 75kg sắt và được 440.000đ (Bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau đó T và T1 đã dùng số tiền trên vào mục đích ăn chơi tiêu sài cá nhân.

Tại Biên bản định giá tài sản số 05/2019/HĐ-ĐGTS ngày 26/06/2019 của Hội đồng định giá tài trong tố tụng hình sự đã kết luận:

- 06 cánh cửa sắt mà Lê Văn T, Hoàng Hoa T1 và Lê Đức Q đã trộm cắp vào cuối tháng 5 năm 2019 tại Nghĩa Trang, thôn ĐB, xã TM có giá trị 2.296.720đ (Hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng);

- 01 cánh cửa màu xanh mà Lê Văn T và Hoàng Hoa T1, Lê Đức Q trộm cắp ngày 24/05/2019 tại Nghĩa Trang thôn Toán Thọ, xã TT, có giá trị 1.293.600đ (một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng);

- 07 cánh cửa sắt mà Lê Văn T và Hoàng Hoa T1 trộm cắp ngày 10/06/2019 ở Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM có giá trị 2.949.600đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng);

- 06 cánh cửa sắt mà Lê Văn T và Hoàng Hoa T1 trộm cắp ngày 14/06/2019 ở Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM có giá trị là 2.268.640đ (Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng);

- 08 cánh cửa sắt mà Lê Văn T và Hoàng Hoa T1 trộm cắp ngày 17/06/2019 ở Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM có giá trị 3.099.040đ (Ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Cơ quan điều tra đã thu hồi toàn bộ Cánh cửa sát mà các bị cáo đã trộm cắp và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Gia đình các bị cáo cùng nhau bồi thường số tiền là 6.500.000đ(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho 14 bị hại trong tổng số 18 bị hại. Các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về mặt dân sự, yêu cầu xử lý nghiêm và theo quy định của pháp luật về mặt trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hỡi, anh Lê Công Thuận, Lê Thị Hòa, Nguyễn Văn Trụ khi mua các cánh cửa sắt của các bị cáo không biết là tài sản trộm cắp, số tiền bà Hỡi, anh Thuận, anh Trụ và chị Hòa đã đưa cho các bị cáo, bà Hỡi, anh Thuận, anh Trụ và chị Hòa không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDAAIRBLADE màu xám đen biển số 36B6-736.94 T dùng đi trộm cắp, T đã bán trước thời điểm trộm cắp cho anh Tống Xuân Chung là bác của T, do T không có xe đi làm anh Chung cho bị cáo mượn lại xe, anh Chung không biết T mượn làm phương tiện đi trộm cắp nên Công an huyện TH đã trả lại cho anh Chung.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSND-TH ngày 01/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn T và Hoàng Hoa T1, Lê Đức Q về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 1 điều 173, điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Lê Văn T, đề nghị xử phạt Lê Văn T từ 24 đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng: Khoản 1 điều 173, điểm b và s khoản 1, Điều 51, Điều 53, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Hoàng Hoa T1, đề nghị xử phạt bị cáo T1 từ 24 đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng: Khoản 1 điều 173, điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 53, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Lê Đức Q, đề nghị xử phạt Lê Đức Q từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01(một) xà cày bằng sắt phi 21 dài 88cm, tịch thu sung quỹ 01(một) điện thoại di động MASTEL màu xám bạc và 01(một) điện thoại di động ITEL màu hồng. Truy thu số tiền các bị cáo có được khi bán của săt trộm cắp, tuy thu số tiền 3.800.000đ(Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền T1 bán xe là phương tiện dùng đi trộm cắp.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các

vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo Q đề nghị HĐXX cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Hoa T1, Lê Văn T và Lê Đức Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là các cánh cửa sắt nhiều lần như cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố tại phiên tòa. Cụ thể: Hoàng Hoa T1 và Lê Văn T trộm cắp tài sản 05 lần, trong đó có 04 mỗi lần trộm cắp giá trị tài sản trên hai triệu đồng đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Lần 1 trộm 06 cánh cửa sắt đã trộm cắp vào cuối tháng 5 năm 2019 tại Nghĩa Trang, thôn ĐB, xã TM có giá trị 2.296.720đ (Hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng), trong lần này Lê Văn T tham gia với vai trò giúp sức chỉ nơi có tài sản trộm cắp cho T1 và Q và hứa hẹn việc tiêu thụ tài sản trộm cắp mà có, sau đó trực tiếp đi tiêu thụ tài sản trộm cắp nên T phạm tội trộm cắp tài sản mà không phải tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có như Viện kiểm sát truy tố là đúng; Lần 2 trộm 07 cánh cửa sắt đã trộm cắp ngày 10/06/2019 ở Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM có giá trị 2.949.600đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng); Lần 3 trộm 06 cánh cửa sắt đã trộm cắp ngày 14/06/2019 ở Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM có giá trị là 2.268.640đ (Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng); Lần 4 08 cánh cửa sắt đã trộm cắp ngày 17/06/2019 ở Nghĩa Trang thôn ĐC, xã TM có giá trị 3.099.040đ (Ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng). Đối với Lê Đức Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản là 06 cánh cửa sắt đã trộm cắp vào cuối tháng 5 năm 2019 tại Nghĩa Trang, thôn ĐB, xã TM có giá trị 2.296.720đ (Hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Lần trộm cắp ngày 24/05/2019 tại Nghĩa Trang thôn Toán Thọ, xã TT, có giá trị 1.293.600đ (Một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng) chưa đủ định lượng về tội trộm cắp tài sản, bản thân cả 03 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự về tội liên quan đến xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác,

nên hành vi này chỉ ở mức xử lý hành chính đối với các bị cáo. Lần trộm cắp ngày 14/6/2019 Lê Đức Q tự ý nữa chừng chấm dứt việc phạm tội, không tham gia trộm cắp, không được hưởng lợi nên Q không phạm tội trong lần trộm cắp này.

Như vậy hành vi của Hoàng Hoa T1, Lê Văn T, Lê Đức Q đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi của các bị cáo: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của các dòng họ, của cộng đồng dân cư, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, ảnh hưởng đến trật tự, trị an trên địa bàn dân cư, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân. Bị cáo Lê Văn T đã từng đi chấp hành án phạt tù, nhưng không lấy đó là bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Các bị cáo không tu chí làm ăn mà chỉ lo chơi bời hưởng thụ, nghiệm ngập ma T1y. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm giáo dục riêng, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó Hoàng Hoa T1 là người có vai trò chính trong vụ án, là người cùng khởi sướng, thực hành tích cực nhất trong việc trộm cắp, chuẩn bị công cụ phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là người có vai trò quyết định trong việc có lấy được tài sản trộm cắp hay không, Lê Văn T cùng bàn bạc khởi sướng tham gia trộm cắp có vai trò thứ hai trong vụ án, Lê Đức Q là người thực hành tham gia 01 lần trộm cắp có vai trò thứ yếu trong vụ án.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cả 03 bị cáo đều tác động đến người thân trong gia đình để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Lê Đức Q và Lê Văn T sau khi phạm tội đã ra đầu thú được Hội đồng xét xử coi là tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Lê Đức Q được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn T vừa chấp hành xong hình phạt tù, ngày 12/02/2018 chấp hành xong bản án, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định

tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra Lê Văn T và Hoàng Hoa T1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 điều 52 BLHS. Bị cáo Hoàng Hoa T1, ngày 20/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" do đó cần cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với T và T1, cần quyết định hình phạt ngang nhau giữa T1 và T, căn cứ vào vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của hai bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Lê Đức Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, việc phạm tội của bị cáo gây dư luận xấu tại địa phương, bị cáo là đối tượng nghiện ma T1y nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên nên xem xét giảm một mức hình phạt cho bị cáo Q, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và đề nghị của bị cáo.

[5]. Bị cáo Hoàng Hoa T1, ngày 20/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật. Lần phạm tội này bị cáo T1 không thuộc trường hợp phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, nên Hội đồng xét xử không tổng hình phạt của các bản án đối với bị cáo T1 mà chỉ cần thông báo về cơ quan đang quản lý giám sát bị cáo trong giai đoạn thử thách của án treo.

Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền..."* do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, các bị là đối tượng nghiện ma T1y, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đang có con nhỏ; Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo tác động gia đình cùng nhau bồi thường số tiền là 6.500.000đ(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho 14 bị hại trong tổng số 18 bị hại. Các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về mặt dân sự, nên miễn xét.

[8]. Trong vụ án này bà Nguyễn Thị Hỡi, anh Lê Công Thuận, chị Lê Thị Hòa, anh Nguyễn Văn Trụ khi mua các cánh cửa sắt của các bị cáo không biết là tài sản trộm cắp mà có, nên Viện kiểm sát không truy tố bà Hỡi, anh Thuận, anh Trụ và chị Hòa về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là phù hợp. Số tiền bà Nguyễn Thị Hỡi, anh Lê Công Thuận đã đưa cho các bị cáo là 540.000đ (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng), bà Hỡi và anh Thuận không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc mỗi bị cáo nộp lại 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

Số tiền chị Lê Thị Hòa và anh Nguyễn Văn Trụ đưa cho các bị cáo trong 03 lần mua bán là 1.095.000đ (Một triệu không trăm chín lăm nghìn đồng), số

tiền này T1 và T là người hưởng lợi, anh Trụ và chị Hòa không yêu cầu các bị cáo bồi thường, đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc T1 và T mỗi bị cáo nộp lại 547.500đ (Năm trăm bốn bảy nghìn năm trăm đồng) sung quỹ nhà nước.

[9]. Đối với xe mô tô BKS: 36B6-736.94, T đã bán cho anh Tống Xuân Chung, sau đó bị cáo mượn để đi lại, anh Chung không có lỗi trong việc để bị cáo T sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi trộm cắp nên cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh Tống Xuân Chung là phù hợp. Chiếc xe mô tô nhãn YAMAHA SIRIUS của T1 dùng đi trộm cắp, tại phiên tòa bị cáo khai bán cho người không quen biết ở Hà Nội được 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) đây là tiền bán phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên buộc bị cáo T1 phải nộp lại số tiền này sung quỹ nhà nước là phù hợp.

[10]. Về xử lý vật chứng: 01(một) xà cày bằng sắt phi 21 dài 88cm, một đầu nhọn, một đầu bè, xà cày cũ đã qua sử dụng là công cụ mà các bị cáo đã sử dụng trong các vụ trộm cắp tài sản, đã cũ, giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp. 01điện thoại di động MASTEL màu xám bạc và 01(một) điện thoại di động ITEL màu hồng là điện thoại của các bị cáo dùng liên lạc khi đi trộm cắp, nên tịch thu sung quỹ.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Hoa T1, Lê Văn T và Lê Đức Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Hoa T1.

Xử phạt: Hoàng Hoa T1 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 20/6/2019).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Lê Văn T.

Xử phạt: Lê Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 20/6/2019).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Lê Đức Q.

Xử phạt: Lê Đức Q 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ 09(Chín) ngày tạm giữ từ trước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01(một) xà cày bằng sắt phi 21 dài 88cm, một đầu nhọn, một đầu bè, xà cày cũ đã qua sử dụng, tịch thu sung quỹ 01điện thoại di động MASTEL màu xám bạc và 01(một) điện thoại di động ITEL màu hồng (Đặc điểm các vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH ngày 22/7/2019).

Buộc Hoàng Hoa T1 và Lê Văn T mỗi bị cáo phải nộp số tiền 727.500đ*(Bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*, buộc Lê Đức Q phải nộp số tiền 180.000đ*(Một trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền do phạm tội mà có để nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc Hoàng Hoa T1 nộp 3.800.000đ(Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền bán xe nộp ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Hoàng Hoa T1, Lê Văn T và Lê Đức Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ*(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện TH;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện TH;
- Các bị cáo; Người bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt